

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 456/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành
trên môi trường điện tử tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử;

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử tỉnh Đồng Nai, gồm các nhóm chỉ số:

- Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành hàng ngày, hàng tháng.
- Nhóm chỉ số theo dõi nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm.

3. Nhóm chỉ số theo dõi tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm quốc gia.

4. Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ban, ngành; Thống kê tỉnh Đồng Nai, Thuế tỉnh Đồng Nai, Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai, Ngân hàng Nhà nước khu vực 2; Ủy ban nhân dân các xã, phường:

a) Kịp thời cung cấp, cập nhật thông tin, phân tích, dự báo thông tin, dữ liệu về các chỉ số tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Chịu trách nhiệm về tính chuẩn hoá, chính xác, thống nhất, an toàn, bảo mật, liên tục, thông suốt về thông tin, dữ liệu của các chỉ số được giao cung cấp, tích hợp, kết nối, chia sẻ.

Lập danh sách công chức, viên chức tham gia Hệ thống báo cáo tỉnh Đồng Nai kịp thời cập nhật thông tin, dữ liệu, thời gian quy định cập nhật các chỉ số tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này đảm bảo chính xác phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, hướng dẫn thực hiện.

b) Xây dựng, lựa chọn các chỉ số thành phần cốt lõi phục vụ theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, các chương trình, dự án trọng điểm theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Định kỳ hàng tháng rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đáp ứng yêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

d) Chủ động, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kịp thời tạo lập, cập nhật các chỉ số trên Hệ thống báo cáo tỉnh Đồng Nai.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao các đơn vị, địa phương dựa trên dữ liệu số; việc gửi, nhận văn bản điện tử, thực hiện chế độ báo cáo phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; kiến nghị, đề xuất các biện pháp cần thiết nhằm đôn đốc thực hiện, khắc phục tồn tại, hạn chế, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật hành chính và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tham mưu, đề xuất nâng cấp, phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh tích hợp, hình thành Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành tỉnh Đồng Nai và kết nối với Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Phối hợp với Công an tỉnh bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng phục vụ việc cung cấp, kết nối, tích hợp, chia sẻ các thông tin, dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tạo lập, cập nhật các chỉ số tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

d) Theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

4. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện đảm bảo an toàn thông tin mạng khi thực hiện nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh hướng tới hình thành Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành tỉnh Đồng Nai.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, cơ quan liên quan bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan phân tích, dự báo thông tin, dữ liệu về các chỉ số tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; điều phối, tích hợp, chia sẻ thông tin dữ liệu các chỉ số, nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành của các đơn vị, địa phương phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định pháp luật.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành và cơ quan liên quan xác định các chỉ số thành phần để theo dõi, giám sát quá trình thực hiện các chỉ tiêu, các chương trình, dự án trọng điểm giai đoạn 2024 - 2025.

d) Tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh việc điều chỉnh, bổ sung Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý, chỉ đạo, điều hành. Chủ động, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kịp thời tạo lập, cập nhật trên Hệ thống báo cáo tỉnh Đồng Nai.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ tình hình thực tế tại địa phương ban hành Bộ chỉ số theo dõi giám sát về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình quản lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Thống kê tỉnh Đồng Nai, Thuế tỉnh Đồng Nai, Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai, Ngân hàng Nhà nước Khu vực 2; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- LĐVP; các phòng, ban, trung tâm;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH****Võ Tấn Đức**

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
4.1	So với tháng trước	%	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.2	So với cùng kỳ năm trước	%	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.3	Bình quân so với cùng kỳ năm trước	%	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
II	Tài chính - ngân sách nhà nước							
1	Thu ngân sách (lũy kế đến kỳ báo cáo; so sánh với dự toán, ...)							
1.1	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Ngày/ Tháng/Năm	Các khoản thu chủ yếu	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.2	So sánh với dự toán	%	Toàn tỉnh	Ngày/ Tháng/Năm	Tỉnh	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	Chi ngân sách (lũy kế đến kỳ báo cáo; so sánh với dự toán, ...)							
2.1	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Ngày/ Tháng/Năm	Các khoản thu chủ yếu	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.2	So sánh với dự toán	%	Toàn tỉnh	Ngày/ Tháng/Năm	Tỉnh	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
3	Giải ngân vốn đầu tư công	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành, Cấp xã	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	Thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác NSNN (tổng thu các sắc thuế: thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, ... các loại phí, lệ phí và khoản thu khác)							
4.1	Tổng thu các sắc thuế	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/ Sắc	Thuế tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
					thuế		cáo của tỉnh	
4.2	Thuế GTGT	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/ Sắc thuế	Thuế tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.3	Thuế TNDN	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/ Sắc thuế	Thuế tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.4	Thuế TNCN	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/ Sắc thuế	Thuế tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.5	Thuế các loại phí, lệ phí	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/ Sắc thuế	Thuế tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.6	khoản thuế khác	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/ Sắc thuế	Thuế tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
III	Ngân hàng							
1	Tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ	%	Toàn tỉnh	Ngày	Tỉnh	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh KV2	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	Lãi suất tiền gửi và cho vay	%	Toàn tỉnh	Tháng	VNĐ, USD/kỳ hạn	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh KV2	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
3	Lãi suất liên ngân hàng	%	Toàn tỉnh	Tháng	VNĐ, USD/kỳ hạn	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh KV2	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	Tổng phương tiện thanh toán	Phương tiện	Toàn tỉnh	Tháng	VNĐ, USD	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh KV2	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/tỉnh/ loại hình	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh KV2	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
	Ngân hàng nước ngoài				kinh tế			
IV	Tài chính							
1	Doanh nghiệp (đang hoạt động; thành lập mới; số vốn đăng ký; quay trở lại hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; chờ làm thủ tục giải thể; giải thể...)							
1.1	Đang hoạt động;	Đơn vị	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.2	Thành lập mới	Đơn vị	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.3	Số vốn đăng ký;	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.4	Quay trở lại hoạt động	Đơn vị	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.5	Tạm ngừng kinh doanh	Đơn vị	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.6	Chờ làm thủ tục giải thể;	Đơn vị	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.7	Giải thể	Đơn vị	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	Đấu thầu (tổng số gói thầu, tổng giá trị trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm trong đấu thầu)							
2.1	Tổng số gói thầu	Gói	Toàn tỉnh	Năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.2	Tổng giá trị trúng	Triệu	Toàn	Năm	Phân ngành	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
	thầu	đồng	tỉnh		kinh tế		cáo của tỉnh	
2.3	Tỷ lệ tiết kiệm trong đầu thầu	%	Toàn tỉnh	Năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
3	Hợp tác xã, kinh tế tập thể (<i>đang hoạt động; thành lập mới; vốn điều lệ; giải thể</i>)							
3.1	Đang hoạt động	HTX	Toàn tỉnh	6 Tháng/Năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
3.2	Thành lập mới	HTX	Toàn tỉnh	6 Tháng/Năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
3.3	Vốn điều lệ	Triệu đồng	Toàn tỉnh	6 Tháng/Năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
3.4	Giải thể	HTX	Toàn tỉnh	6 Tháng/Năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế (<i>thành lập, điều chỉnh; thu hút đầu tư; đầu tư kết cấu hạ tầng; bảo vệ môi trường; tình hình sản xuất kinh doanh...</i>) do Ban Quản lý các KCN, KTT tỉnh quản lý							
4.1	Thành lập	Khu	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Đối tác đầu tư	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.2	Điều chỉnh	Khu	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Đối tác đầu tư	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.3	Thu hút đầu tư	Khu	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Đối tác đầu tư	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.4	Đầu tư kết cấu hạ	Khu	Toàn	Tháng	Phân ngành	Ban Quản lý	Nhập hệ	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
	tăng		tỉnh		kinh tế/Đối tác đầu tư	các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh tỉnh	thống báo cáo của tỉnh	
4.5	Bảo vệ môi trường	Khu	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Đối tác đầu tư/ Tình trạng	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.6	Tình hình sản xuất kinh doanh	Khu	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Đối tác đầu tư/ Tình trạng	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5	Đầu tư nước ngoài (<i>vốn thực hiện; tình hình sản xuất kinh doanh; đăng ký đầu tư, bao gồm đầu tư mới, điều chỉnh vốn, góp vốn mua cổ phần...</i>)							
5.1	Vốn thực hiện	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC), tỉnh, xã	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5.2	Tình hình sản xuất kinh doanh;	Tổ chức	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC), tỉnh, xã	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5.3	Đăng ký đầu tư	Tổ chức	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC), tỉnh, xã	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5.4	Đầu tư mới	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC), tỉnh, xã	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5.5	Điều chỉnh vốn	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC), tỉnh, xã	Sở Tài chính	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	

[illegible]

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
2.1	Đá xây dựng các loại	m ³	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.2	Khai thác quặng các loại	tấn	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.3	Bia, đồ uống các loại	lít	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.4	Sản phẩm may mặc	sp	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.5	Giấy các loại	tấn	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.6	Gạch các loại	Triệu viên	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.7	Xi măng	Nghìn tấn	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.8	Nước máy	m ³	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.10	Sản phẩm điện tử	Sản phẩm	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.11	Kết cấu thép, các sản phẩm từ kim loại	Tấn	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.12	Các sản phẩm từ gỗ các loại	m ³	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
3	Điện năng (nguồn, phụ tải, năng lượng tái tạo...)							
3.1	Điện sản xuất	kWh	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Sở Công thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Nhà máy điện	kWh	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Sở Công thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Năng lượng tái tạo (ĐMTMN)	kWh	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Sở Công thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
3.2	Điện thương phẩm	kWh	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Sở Công thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Lưới điện quốc gia	kWh	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Sở Công thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	ĐMTMN của hộ gia đình	kWh	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Sở Công thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	Xăng dầu (sản lượng tiêu thụ; sản xuất trong nước, nhập khẩu...)							
4.1	Số lượng cửa hàng xăng dầu đang hoạt động	Cửa hàng	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Sở Công thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.2	Ước sản lượng tiêu thụ	m³	Toàn tỉnh	Năm	Cấp xã	Sở Công thương	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5	Than bùn (than bùn sản xuất trong nước, than bùn nhập khẩu,...)							
5.1	Số lượng mỏ than bùn đang hoạt động khai thác	Mỏ	Toàn tỉnh	Năm	Cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5.2	Sản lượng than	Tấn	Toàn	Năm	Cấp xã	Sở Nông	Nhập hệ	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
	bùn khai thác		tỉnh			ngành và Môi trường	thống báo cáo của tỉnh	
VI	Nông nghiệp							
1	Xuất khẩu ngành nông nghiệp	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.1	Xuất khẩu các sản phẩm chế biến	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.2	Xuất khẩu ván ép, gỗ...	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	Nhập khẩu ngành nông nghiệp							
2.1	Nhập khẩu các sản phẩm chế biến	Tiền	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.2	Nhập khẩu gỗ	Tiền	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
3	Xuất khẩu gạo	Tấn	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	Sản lượng lúa	Tấn	Toàn tỉnh	Tháng 12/2025	Cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (<i>nông thôn mới, nâng cao, kiểu mẫu...</i>)							
5.1	Nông thôn mới	%	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5.2	Nông thôn mới nâng cao	%	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi	Nhập hệ thống báo	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
						trường	cáo của tỉnh	
5.3	Nông thôn mới kiểu mẫu..	%	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
6	Diện tích rừng bị thiệt hại (<i>bị chặt phá, bị cháy...</i>)							
6.1	Bị chặt phá, bị cháy	Ha	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
6.2	Bị cháy	Ha	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
7	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
VII	Xây dựng							
1	Dự án quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm giao thông vận tải (<i>dự án; tổng vốn đầu tư; giải ngân; tiến độ thực hiện, vướng mắc, kiến nghị...</i>)							
1.1	Số lượng dự án	Dự án	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh, xã	Sở Xây dựng	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.2	Tổng vốn đầu tư	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh, xã/ Dự án	Sở Xây dựng	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.3	Giải ngân	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh, xã/ Dự án	Sở Xây dựng	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.4	Tiến độ thực hiện	Dự án	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh, xã/ Dự án/Tỉnh trạng	Sở Xây dựng	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.5	Vướng mắc, kiến nghị	Dự án	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh, xã/ Dự án	Sở Xây dựng	Nhập hệ thống báo	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
							cáo của tỉnh	
VIII	Các ngành dịch vụ khác							
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (<i>bán lẻ hàng hóa, dịch vụ lưu trú ăn uống, dịch vụ lễ hành, dịch vụ kinh doanh bất động sản, dịch vụ khác</i>)							
1.1	Bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Nhóm hàng chủ yếu	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.2	Dịch vụ lưu trú ăn uống	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Nhóm dịch vụ chủ yếu	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.3	Dịch vụ khác	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Nhóm dịch vụ chủ yếu	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	Số lượt khách quốc tế đến (<i>hàng không, đường bộ...</i>)							
2.1	Hàng không	Lượt khách	Toàn tỉnh	Tháng	Châu lục, nước, vùng lãnh thổ	Sở VH TT và DL	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.2	Đường bộ	Lượt khách	Toàn tỉnh	Tháng	Châu lục, nước, vùng lãnh thổ	Sở VH TT và DL	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
3	Số lượt khách du lịch nội địa	Lượt khách	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Sở VH TT và DL	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	Vận tải hành khách (<i>vận chuyển, luân chuyển...</i>)							
4.1	Vận chuyển	Chuyển/hành khách	Trong tỉnh/ Ngoài tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã, phương thức vận tải	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.2	Luân chuyển	Chuyển/hành khách	Trong tỉnh/ Ngoài	Tháng	Tỉnh, xã, phương thức vận tải	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
			tỉnh					
5	Vận tải hàng hóa (<i>vận chuyển, luân chuyển...</i>)							
5.1	Vận chuyển	Chuyến	Trong tỉnh/ Ngoài tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã, phương thức vận tải/ Kiện hàng	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5.2	Luân chuyển	Chuyến	Trong tỉnh/ Ngoài tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã, phương thức vận tải/ Kiện hàng	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
6	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Triệu đồng	Trong tỉnh/ Ngoài tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
7	Thương mại điện tử (<i>doanh thu, tốc độ tăng trưởng, quy mô thị trường...</i>)							
7.1	Doanh thu	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/Năm	Tỉnh, xã, ngành kinh tế, khu vực kinh tế	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
7.2	Tốc độ tăng trưởng	%	Toàn tỉnh	Tháng/Năm	Tỉnh, xã, ngành kinh tế, khu vực kinh tế	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
7.3	Quy mô thị trường	Cả nước	Toàn tỉnh	Tháng/Năm	Tỉnh, xã, ngành kinh tế, khu vực kinh tế	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
IX	Bảo hiểm xã hội							
1	Số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN							
1.1	Bảo hiểm xã hội							
-	Số người tham gia	Người	Toàn	Tháng/Quý/	Tỉnh, xã	Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng	Nhập hệ thống báo	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
	BHXH		tỉnh	Năm		Nai	cáo của tỉnh	
-	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH	%	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/ Năm	Tỉnh, xã	Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.2	Bảo hiểm thất nghiệp							
-	Số người tham gia BHTN	Người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/ Năm	Tỉnh, xã	Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHTN	%	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/ Năm	Tỉnh, xã	Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.3	Số người tham gia BHYT	Người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/ Năm	Tỉnh, xã	Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	Số người hưởng BHXH, BHYT, BHTN							
2.1	Số người giải quyết hưởng mới chế độ BHXH							
-	Số người hưởng BHXH hàng tháng	Người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/ Năm	Tỉnh, xã	Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Số người hưởng trợ cấp BHXH một lần	Người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/ Năm	Tỉnh, xã	Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Số người hưởng chế độ ốm đau	Lượt người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/ Năm	Tỉnh, xã	Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Số người hưởng chế độ thai sản	Lượt người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/ Năm	Tỉnh, xã	Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Số người hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe	Lượt người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/ Năm	Tỉnh, xã	Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	

[illegible]

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
1	Về công tác phòng chống tội phạm							
1.1	Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố	%	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.2	Tỷ lệ điều tra khám phá án (án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng)	%	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.3	Cơ cấu tội phạm (tội phạm về trật tự xã hội; tội phạm về kinh tế, tham nhũng; tội phạm về ma túy; tội phạm về công nghệ cao	%	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	Xuất nhập cảnh							
2.1	Xuất nhập cảnh qua đường hàng không	Lượt	Toàn tỉnh	Tháng	Nước, vùng lãnh thổ	Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.2	Xuất nhập cảnh qua đường bộ	Lượt	Toàn tỉnh	Tháng	Nước, vùng lãnh thổ	Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
3	Phòng cháy, chữa cháy (số vụ, số người chết, bị thương, thiệt hại...)							
3.1	Số vụ cháy, nổ	Vụ	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
3.2	Số người tử vong	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
3.3	Số người bị	Người	Toàn	Tháng	Tỉnh, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
	thương		tỉnh				thống báo cáo của tỉnh	
3.4	Thiệt hại tài sản	Đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	An toàn giao thông (<i>số vụ tai nạn; số người chết; số người bị thương</i>)							
4.1	Số vụ tai nạn	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.2	Số người tử vong;	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.3	Số người bị thương	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5	Phòng, chống tội phạm (<i>ma túy; công nghệ cao; quản lý kinh tế; tham nhũng, tội phạm có tổ chức...</i>)							
5.1	Ma túy	Cuộc	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5.2	Công nghệ cao	Cuộc	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5.3	Quản lý kinh tế	Cuộc	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5.4	Tham nhũng, tội phạm có tổ chức	Cuộc	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
6	Ngộ độc thực phẩm (<i>số vụ, số người bị ngộ độc, số người tử vong...</i>)							
6.1	Số ngộ độc thực phẩm	Vụ	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Sở Y tế	Nhập hệ thống báo	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
							cáo của tỉnh	
6.1	Số lượng ngộ độc thực phẩm	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Sở Y tế	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
6.1	Số lượng tử vong	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Sở Y tế	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
7	Dịch bệnh nhóm A, B theo Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm (<i>số người nhiễm, số người tử vong...</i>)							
7.1	Số lượng người nhiễm	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Sở Y tế	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
7.2	Số lượng tử vong	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Sở Y tế	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
8	Công tác thanh tra (<i>thanh tra hành chính; thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; kế hoạch thanh tra...</i>)							
8.1	Thanh tra hành chính	Cuộc	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Thanh tra tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
8.2	Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành	Cuộc	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Thanh tra tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
8.3	Kế hoạch thanh tra	Cuộc	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Thanh tra tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
9	Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (<i>Tiếp công dân; tiếp nhận đơn thư; giải quyết vụ việc KNTC</i>)							
9.1	Tiếp công dân	Cuộc	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Thanh tra tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
9.2	Tiếp nhận đơn thư	Đơn	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Thanh tra tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
9.3	Giải quyết vụ việc kiếu nại, tố cáo	Vụ	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Thanh tra tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
XI	Lao động, việc làm, giáo dục và đào tạo							
1	Lao động (<i>lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, giao dịch việc làm, lao động hưởng bảo hiểm thất nghiệp...</i>)							
1.1	Lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng,	Người	Toàn tỉnh	Quý/06 tháng/cả năm	Nước, vùng lãnh thổ	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.2	Lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, giao dịch việc làm,	Người	Toàn tỉnh	Quý/06 tháng/cả năm	Nước, vùng lãnh thổ	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.3	Lao động hưởng bảo hiểm thất nghiệp	Người	Toàn tỉnh	Quý/06 tháng/cả năm	Nước, vùng lãnh thổ	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	Giáo dục nghề nghiệp (<i>cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tuyển mới, tốt nghiệp...</i>)							
2.1	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Cơ sở	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.2	Tuyển mới	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập, giới tính, dân tộc, trình độ chuyên môn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.3	Tốt nghiệp	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập, giới tính, dân tộc, trình độ chuyên môn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
3	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có dạy nghề cho người khuyết tật							
3.1	Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp có dạy nghề cho người khuyết tật	Cơ sở	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm	Tỉnh, xã	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
3.2	Số người khuyết tật tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp có dạy nghề	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Giới tính, dân tộc, trình độ chuyên môn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	Bảo trợ xã hội (số người được trợ cấp xã hội hàng tháng; số người/hộ được hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng; số người khuyết tật được cấp giấy chứng nhận; số người khuyết tật được cấp thẻ BHYT...)							
4.1	Số người được trợ cấp xã hội hàng tháng	Người	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm	Tỉnh, xã	Sở Y tế	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.2	Số người/hộ gia đình được hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng	Người/ Hộ	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm	Tỉnh, xã	Sở Y tế	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5	Cơ sở giáo dục và đào tạo	Cơ sở	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm	Tỉnh, xã	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
6	Giáo dục và đào tạo (Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên)							
6.1	Giáo dục Mầm non							
-	Số trường	Trường	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11 hàng năm	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Số lớp	Lớp	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Số giáo viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/ nữ/ dân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
					tộc			
-	Số học sinh	Trẻ	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/ nữ/ dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
6.2	Giáo dục Tiểu học							
-	Số trường	Trường	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11 hàng năm	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Số lớp	Lớp	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Số giáo viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/ nữ/ dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Số học sinh	HS	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/ nữ/ dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
6.3	Giáo dục Trung học							
-	Số trường	Trường	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11 hàng năm	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Số lớp	Lớp	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Số giáo viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/nữ/dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Số học sinh	HS	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/ nữ/ dân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
					tộc		cáo của tỉnh	
6.4	Giáo dục Thường xuyên							
-	Số trường	Cơ sở	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11 hàng năm	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Số lớp	Lớp	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
	Số giáo viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/ nữ/ dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Số học viên	HV	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/ nữ/ dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
XII	Nội vụ - Cải cách hành chính, chuyển đổi số							
1	Công chức, viên chức (<i>biên chế hưởng lương từ NSNN; biên chế được giao; biên chế thực hiện; số tuyển mới, số nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác ra khỏi cơ quan...</i>)							
1.2	Công chức	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.3	Viên chức	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.4	Biên chế công chức hưởng lương từ NSNN	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.5	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.6	Biên chế được	Người	Toàn	Tháng	Sở, ngành/	Sở Nội vụ	Nhập hệ	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
	giao		tỉnh		Cấp xã		thống báo cáo của tỉnh	
1.7	Biên chế thực hiện	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.8	Số tuyển mới,	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.9	Số nghỉ hưu,	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.10	Số thôi việc,	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.11	Số chuyển công tác ra khỏi cơ quan...	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
3	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia	%	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia	%	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5	Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa quy định, chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt	%	Toàn tỉnh	06 tháng/năm	Sở, ngành/ Cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
	động kinh doanh							
6	Nhóm chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử	%	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
7	Nhóm chỉ số theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	%	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
8	Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh và của các sở, ngành, địa phương	Điểm	Toàn tỉnh	Năm	Sở, ngành/ Cấp xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
XIII	Nhóm chỉ số theo dõi giám sát về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương	Chỉ số	Cấp xã		Xã/phường	UBND cấp xã	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	Cấp xã xác lập chỉ số này
B	Nhóm chỉ số theo dõi nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm							
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) và GRDP của các địa phương	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh, xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	GDP bình quân đầu người; GRDP bình quân đầu người	%	Toàn tỉnh	Năm	Tỉnh, xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh, xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Toàn tỉnh	Tháng/Năm	Tỉnh, xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
5	Tốc độ tăng năng suất lao động	%	Toàn tỉnh	Năm	Tỉnh, xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
6	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh, xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai, Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh, xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai, Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
-	Trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh, xã	Thống kê tỉnh Đồng Nai, Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
8	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Xã/phường	Thống kê tỉnh Đồng Nai, Sở Nội vụ	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	%	Toàn tỉnh	Năm	Tỉnh, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
10	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Bác sĩ	Toàn tỉnh	năm	Xã/phường	Sở Y tế	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
11	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Số giường	Toàn tỉnh	năm	Xã/phường	Sở Y tế	Nhập hệ thống báo	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
							cáo của tỉnh	
12	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/ Năm	Xã/phường	Sở Y tế	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
13	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Xã/phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường		
14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
C.	Nhóm chỉ số theo dõi tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm quốc gia							
1	Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới	Chương trình	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/ Tháng	Cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.1	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu,...	%	Toàn tỉnh	Tháng 12/2025	Cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	Chương trình	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/ Tháng	Theo Dự án	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi	Chương trình	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/ Tháng	Tỉnh, xã	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	

[illegible]

[illegible]

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn Cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
6.1	Bản đồ rủi ro thiên tai, sạt lở, ngập lụt	Tờ	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/ Tháng	Tỉnh, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
6.2	Ảnh vệ tinh	Ảnh	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/ Tháng	Tỉnh, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	
7	Các thông tin dữ liệu về công trình giao thông vận tải (<i>điểm có nguy cơ sạt lở, lở, bao gồm tọa độ, chiều dài, phương án xử lý...</i>)							
-	Điểm có nguy cơ sạt lở, lở	Điểm	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã/ Tình hình/ Tọa độ/ Chiều dài/ Phương án xử lý	Sở Xây dựng	Nhập hệ thống báo cáo của tỉnh	